

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 07/9/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng;

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Đ.K.N**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp V, xã VK, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh **L.H.Đ**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp VL, xã VK, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ.K.N trình bày như sau:** Chị và anh L.H.Đ do mai mối, sau đó tìm hiểu được 1 tháng thì tiến tới kết hôn với nhau vào cuối năm 2014, có tổ chức đám cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh

An Giang ngày 26/10/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài tới nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ không rành mạch, rõ ràng tiền bạc trong gia đình, cuộc sống hàng ngày anh Đ làm gì, đi đâu chị không hề biết. Trong quá trình chung sống anh Đ cũng không chia sẻ, chăm sóc chị, tính tình hai vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, nói chuyện được 2, 3 câu là cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian qua, chị đã cố gắng để gìn giữ hạnh phúc gia đình, lo cho con cái nhưng không có kết quả và hai vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 02/2022 tới nay. Thời gian ly thân, anh Đ không còn quan tâm chăm sóc chị và con, cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.H.Đ; Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên C1, sinh ngày 14/6/2016 và C2, sinh ngày 04/10/2020, hiện nay đang sống với chị. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh Đ đến để tiến hành hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Quỳnh, sinh ngày 14/6/2016 và Lê Quỳnh Nhi, sinh ngày 04/10/2020 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Chị N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh L.H.Đ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 26/10/2015 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, chị N xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị N cho rằng do anh Đ không rành mạch, rõ ràng tiền bạc trong gia đình, cuộc sống hàng ngày anh Đ làm gì, đi đâu chị không hề biết. Trong quá trình chung sống, tính tình hai vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, nói chuyện được 2, 3 câu là cự cãi. Ngoài ra, anh Đ cũng không chia sẻ, chăm sóc chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian ly thân, anh Đ không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc chị và con, cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập anh Đ để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Đ cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N thể hiện anh Đ không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Đ thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung:

Chị N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung tên C1, sinh ngày 14/6/2016 và C2, sinh ngày 04/10/2020, hiện nay đang sống với chị. Sau ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nhi và cháu Quỳnh hiện nay đang sống với chị N, thời gian ly thân hai cháu được chị N chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của hai cháu C1 và cháu C2, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, HĐXX giao hai cháu C1 và cháu C2 cho chị N

được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị N phải tạo điều kiện cho anh Đ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị N và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.K.N.

- Về hôn nhân: Chị Đ.K.N được ly hôn với anh L.H.Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 96/KH, quyển số I/2015, ngày 26/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã VK, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho chị Đ.K.N và anh L.H.Đ không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên C1, sinh ngày 14/6/2016 và C2, sinh ngày 04/10/2020 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị N và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Đ.K.N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009136 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh L.H.Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Khánh;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân